














# Bản tin Pháp chế

CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

	Trong số này:	Trang
	<b>I. Quy định mới</b>	<b>2</b>
	 Những văn bản pháp lý ban hành trong tháng 01 năm 2017	
	<b>II. Điểm tin văn bản pháp luật</b>	<b>3</b>
	 Nghị định 174/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán;	
	 Nghị định 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.	
	 Thông tư 16/2016/TT-BKHĐT của Bộ kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lập hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất;	
	 Thông tư 42/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động thương binh và xã hội ban hành quy định mức điều chỉnh tiền lương và thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội;	
	 Thông tư 46/2016/TT-BYT của Bộ y tế Ban hành Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày;	
	 Thông tư 331/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc sửa đổi thông tư 256/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp căn cước công dân.	
	<b>III. Công văn giải đáp, hướng dẫn nghiệp vụ</b>	<b>8</b>
	 Công văn số 158/TCT-CS về hạch toán khoản chi phúc lợi của doanh nghiệp;	
	 Công văn số 69790/CT-TTHT của Cục thuế Thành phố Hà Nội về việc về khấu trừ chi phí thuê văn phòng khi tính thuế Thu nhập doanh nghiệp;	
	 Công văn số 74303/CT-TTHT năm 2016 của Cục Thuế thành phố Hà Nội về chính sách thuế khi mất hóa đơn;	
	 Công văn số 94/TCT-KK năm 2017 của Tổng cục Thuế về kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng đối với hóa đơn bỏ sót.	
	<b>IV. Danh mục văn bản nội bộ</b>	<b>10</b>

# QUY ĐỊNH MỚI

<b>1. Lao động, Tiền lương</b>		<b>4. Thuế, Phí, Lệ phí</b>
Thông tư 42/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động thương binh và xã hội ban hành quy định mức điều chỉnh tiền lương và thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội.		Thông tư 331/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc sửa đổi thông tư 256/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp căn cước công dân.
<b>2. Đầu tư</b>		<b>5. Bảo hiểm</b>
Thông tư 16/2016/TT-BKHĐT của Bộ kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lập hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.		Thông tư 46/2016/TT-BYT của Bộ y tế Ban hành Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày.
<b>3. Đất đai</b>		<b>6. Kế toán</b>
Nghị định 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.		Nghị định 174/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán

## ĐIỂM TIN VĂN BẢN PHÁP LUẬT

### **Ngị định quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán**

**Ngày 30/12/2016, Chính phủ đã ban hành Ngị định số 174/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán,**

Theo đó, Ngị định 174 hướng dẫn Luật kế toán về chứng từ kế toán, tài liệu kế toán, tổ chức bộ máy kế toán, người làm kế toán, hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán, cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới và tổ chức nghề nghiệp về kế toán.

1. Về chứng từ kế toán, sao chụp, lưu giữ tài liệu kế toán:

- Đơn vị kế toán được tự thiết kế mẫu chứng từ kế toán phù hợp với đặc điểm của Đơn vị;

- Các tài liệu kế toán sau phải được lưu trữ: Chứng từ kế toán, Báo cáo tài chính; báo cáo quyết toán ngân sách; sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp và tài liệu khác,

- Tài liệu kế toán sao chụp phải được chụp từ bản chính và có giá trị như bản chính.

- Việc niêm phong, tạm giữ, tịch thu tài liệu kế toán cũng được quy định cụ thể tại Điều 7 Ngị định 174/2016/NĐ-CP.

- Tài liệu kế toán của đơn vị nào được lưu trữ tại kho của đơn vị đó. Đơn vị kế toán phải đảm bảo có đầy đủ thiết bị bảo quản và bảo đảm an toàn trong quá trình lưu trữ theo quy định của pháp Luật. Trường hợp đơn vị không tổ chức bộ phận hoặc kho lưu trữ tại đơn vị thì có thể thuê tổ chức, cơ quan lưu trữ thực hiện lưu trữ tài liệu kế toán trên cơ sở hợp đồng lưu trữ theo quy định của pháp Luật.

- Thời hạn lưu trữ tài liệu kế toán: Tùy từng loại tài liệu mà có thời hạn lưu trữ khác nhau (5 năm, 10 năm, vĩnh viễn).

2. Tổ chức bộ máy kế toán và người làm kế toán:

- Tổ chức bộ máy kế toán phải do người có thẩm quyền thành lập đơn vị kế toán quyết định, trường hợp không có người có thẩm quyền thành lập thì do người đại diện theo pháp luật quyết định. Bộ máy kế toán đơn vị cấp dưới do người đại diện theo pháp luật quyết định;

- Người đã làm kế toán trưởng của đơn vị kế toán trong lĩnh vực kế toán nhà nước và đã có thời

gian thực tế làm kế toán trưởng trong các đơn vị này từ 10 năm trở lên tính đến ngày Ngị định này có hiệu lực thi hành thì vẫn được xem xét, bổ nhiệm làm kế toán trưởng của đơn vị kế toán trong lĩnh vực kế toán nhà nước nếu đủ các Điều kiện khác theo quy định đối với kế toán trưởng mà không bắt buộc phải có bằng tốt nghiệp chuyên ngành tài chính, kế toán, kiểm toán.

3. Hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán:

- Tỷ lệ vốn góp tối đa tại Công ty TNHH hai thành viên trở lên của một hoặc các thành viên là tổ chức là 35%; Tỷ lệ vốn góp của kế toán viên hành nghề phải trên 50% và phải có ít nhất 2 thành viên hành nghề tại mỗi công ty dịch vụ kế toán;

- Kế toán viên hành nghề đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán tại đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán này không được đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán tại đơn vị dịch vụ kế toán khác;

- Công ty kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán thì được kinh doanh dịch vụ kế toán. Kiểm toán viên đủ điều kiện hành nghề kiểm toán thì được hành nghề dịch vụ kế toán.

- Đơn vị kinh doanh dịch vụ kế toán phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp.



4. Cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán nước ngoài:

Ngị định 174 quy định các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán của các nước thành viên WTO hoặc các nước có điều ước quốc tế về việc được cung cấp dịch vụ kế toán qua biên giới tại Việt Nam thì được cung cấp dịch vụ kế toán cho các doanh nghiệp, tổ chức tại Việt Nam.

5. Tổ chức nghề nghiệp về kế toán: Tổ chức nghề nghiệp kế toán, được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức kế toán; soạn thảo chuẩn mực kế toán Việt Nam và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán; tổ chức

thi chứng chỉ kế toán viên và kiểm soát chất lượng dịch vụ kế toán.

6. Hiệu lực thi hành: Nghị định 174/2016/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/01/2017 và thay thế các Nghị định sau:

- Nghị định 128/2004/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật kế toán áp dụng trong lĩnh vực kế toán nhà nước;

- Nghị định 129/2004/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật kế toán trong hoạt động kinh doanh.

7. Điều khoản chuyển tiếp: Trong vòng 24 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, người phụ trách kế toán và các Công ty TNHH 2TV trở lên kinh doanh dịch vụ kế toán được bố trí, thành lập trước ngày Nghị định này có hiệu lực, phải có chứng chỉ kế toán trưởng và phải đảm bảo tỷ lệ vốn góp theo quy định tại Nghị định này.

## **Nghị định sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai**

***Ngày 06/01/2017, Chính phủ ban hành Nghị định số 01/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 43/2014/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đất đai 2013; Sửa đổi Nghị định 44/2014/NĐ-CP về giá đất và Nghị định 47/2014/NĐ-CP về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Cụ thể,***

1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 43/2014/NĐ-CP như sau:

- Người sử dụng đất không thực hiện đúng nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đã bị cưỡng chế mà vẫn không chấp hành thì bị thu hồi đất;

- Nhà đầu tư được tiếp tục sử dụng đất 24 tháng kể từ ngày dự án đầu tư bị chấm dứt hoạt động. Sau thời hạn 24 tháng mà chủ đầu tư không chuyển quyền sử dụng đất, bán tài sản gắn liền với đất thì bị thu hồi đất;

- Nghị định 01/2017/NĐ-CP cũng quy định cụ thể việc xem xét, cấp sổ đỏ cho diện tích đất tăng thêm trong trường hợp đo đạc lại mà diện tích đất thực tế tăng thêm so với sổ đỏ đã được cấp;

- Người được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm hoặc người thuê lại đất trong khu công nghiệp, khu chế xuất được cho thuê tài sản gắn liền với đất đã được tạo lập hợp pháp trên đất theo quy định tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP;

- Hợp đồng thuê đất, hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất bị chấm dứt khi đang cho thuê, cho thế chấp mà bị nhà nước thu hồi vì mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, công cộng, do vi phạm pháp luật về đất đai;

- Diện tích tối thiểu được phép tách thửa do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định phù hợp với điều kiện địa phương;

- Trường hợp có văn bản đề nghị điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ thì trong vòng 15 ngày, Sở Tài nguyên phải lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để ban hành quyết định điều chỉnh;

- Về thủ tục xác định lại diện tích đất đã được cấp sổ đỏ, Nghị định 01/2017/NĐ-CP quy định người sử dụng đất nộp hồ sơ đề nghị xác định lại diện tích đất ở. Văn phòng đăng ký đất đai kiểm tra hồ sơ và trình cấp có thẩm quyền cấp sổ đỏ.

2. Sửa đổi Nghị định 44/2014/NĐ-CP về giá đất như sau:

Nghị định số 01/2017/NĐ-CP bổ sung trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền, cho thuê đất thu tiền một lần thì Sở Tài nguyên môi trường phải tổ chức xác định giá khởi điểm.

3. Sửa đổi Nghị định 47/2014 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

Nghị định số 01/2017/NĐ-CP bổ sung quy định xử lý tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đã nộp, chi phí đầu tư vào đất còn lại, tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất. Theo đó:

- Khi Nhà nước thu hồi đất cho người khác sử dụng thì người được giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm hoàn trả giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất cho người có đất bị thu hồi.

- Cũng theo Nghị định 01/2017/NĐ-CP, trường hợp vi phạm pháp luật đất đai mà bị Nhà nước thu hồi đất thì không được trả lại tiền sử dụng đất đã nộp, chi phí đầu tư còn lại, tiền thuê đất đã nộp.



**Hiệu lực thi hành:** Nghị định số 01/2017 có hiệu lực từ ngày 03/3/2017. Quyết định thu hồi đất, phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt trước ngày Nghị định này có hiệu lực vẫn tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt.

### **Thông tư hướng dẫn lập hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.**

**Ngày 16/12/2016, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành thông tư số 16/2016/TT-BKHĐT hướng dẫn lập hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất**

Thông tư được ban hành nhằm hướng dẫn việc lập hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Khoản 3 Điều 1 Luật Đấu thầu và Điểm b Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP. Theo đó Thông tư 16 quy định hai mẫu hồ sơ mời sơ tuyển và hồ sơ mời thầu gồm:

- Mẫu hồ sơ mời sơ tuyển lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất áp dụng đối với dự án đầu tư có sử dụng đất tổ chức sơ tuyển lựa chọn nhà đầu tư.

- Mẫu hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất áp dụng cho dự án đầu tư có sử dụng đất đã thực hiện quá trình sơ tuyển.

Bên cạnh đó, Thông tư 16/2016/TT-BKHĐT còn hướng dẫn các nguyên tắc khi áp dụng mẫu hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất như sau:

- Trên cơ sở quy mô, tính chất, lĩnh vực của từng dự án cụ thể, người có thẩm quyền có thể bổ sung các yêu cầu phù hợp trên cơ sở bảo đảm nguyên tắc cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu.

- Đối với các dự án không thực hiện sơ tuyển, Thông tư số 16/BKHĐT quy định hồ sơ mời thầu được lập trên cơ sở chỉnh sửa Mẫu số 02 và có bổ sung các nội dung yêu cầu và đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư của Mẫu số 01.

- Với dự án áp dụng hình thức chỉ định thầu thì hồ sơ yêu cầu được lập trên cơ sở vận dụng Mẫu số 02, không bao gồm nội dung như tiêu chuẩn đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư và việc so sánh, xếp hạng nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về tài chính - thương mại nhưng cần quy định nội dung yêu cầu nhà đầu tư cập nhật thông tin về năng lực, kinh nghiệm.

- Về phần hợp đồng, tùy theo tính chất, quy mô, lĩnh vực của từng dự án cụ thể, bên mời thầu xây dựng dự thảo hợp đồng theo mẫu tại Thông tư số 16 và đính kèm trong hồ sơ mời thầu.



**Hiệu lực:** Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06/02/2017 và thay thế Thông tư số 03/2009/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.

### **Thông tư Quy định mức điều chỉnh tiền lương và thu nhập tháng đã đóng Bảo hiểm xã hội**

**Ngày 28/12/2016, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội đã ban hành Thông tư số 42/2016/TT-BLĐTBXH Quy định mức điều chỉnh tiền lương và thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội, theo đó:**

1. Đối tượng được điều chỉnh tiền lương đã đóng BHXH, thu nhập tháng đã đóng BHXH.

- Thông tư 42 quy định người được điều chỉnh tiền lương tham gia BHXH bắt buộc là người lao động hưởng lương do người sử dụng lao động quyết định, đang tham gia bảo hiểm xã hội hoặc đang bảo lưu thời gian tham gia bảo hiểm xã hội mà hưởng hưu, trợ cấp một lần khi nghỉ hưu, bảo hiểm xã hội một lần hoặc trợ cấp tuất một lần từ ngày 01/01/2017 đến 31/12/2017.

- Người được điều chỉnh thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội là người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện hưởng các chế độ như trên từ 01/01/2017 đến 31/12/2017.

2. Điều chỉnh tiền lương tháng đã đóng Bảo hiểm xã hội

- Lương tháng BHXH được điều chỉnh theo công thức sau: Tiền lương tháng đóng BHXH sau điều

chính của từng năm = Tổng tiền lương tháng đóng BHXH theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định của từng năm x Mức điều chỉnh tiền lương đã đóng BHXH của năm tương ứng.

*Trong đó: mức điều chỉnh tiền lương đã đóng BHXH từng năm từ 2017 trở về trước được quy định cụ thể trong Bảng 1 tại Thông tư số 42/2016/TT-BLĐTBXH, điển hình như, mức điều chỉnh lương đóng BHXH năm 2016, 2017 là 1; mức điều chỉnh năm 2014, 2015 là 1,03; mức điều chỉnh năm 2013 là 1,08.*

- Người vừa có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội theo mức lương do người sử dụng lao động quyết định vừa có thời gian tham gia bảo hiểm theo chế độ tiền lương do Nhà nước quyết định cũng thực hiện theo mức điều chỉnh tiền lương đóng BHXH như trên.

3. Điều chỉnh thu nhập tháng đã đóng Bảo hiểm xã hội

- Người đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện cũng được điều chỉnh thu nhập tháng đã đóng BHXH theo mức điều chỉnh tại Bảng 2 trong Thông tư số 42/2016/TT-BLĐTBXH. Điển hình như mức điều chỉnh thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội của năm 2017, 2016 là 1, của năm 2015 và 2014 là 1,03, mức điều chỉnh của năm 2013 là 1,08.

- Người vừa có thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vừa có thời gian đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện cũng thực hiện theo mức điều chỉnh này.



**Hiệu lực:** Thông tư 42/2016/TT-BLĐTBXH có hiệu lực từ ngày 11/02/2017. Các quy định về điều chỉnh tiền lương tháng đã đóng bảo hiểm xã hội và điều chỉnh thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội được áp dụng kể từ ngày 01/01/2017.

## Thông tư Ban hành Danh mục Bệnh cần chữa trị dài ngày

**Ngày 30/12/2016, Bộ Y Tế đã ban hành Thông tư số 46/2016/TT-BYT Ban hành Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày**

- Thông tư 46/2016/BYT ban hành Danh mục bệnh cần nghỉ việc dài ngày để chữa trị. Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày này là cơ sở để giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo pháp luật về bảo hiểm xã hội.

- Thông tư số 46 cũng giải thích thêm về mã bệnh và tên bệnh trong Danh mục bệnh cần nghỉ việc để chữa trị dài ngày, theo đó: Mã bệnh trong Danh mục bệnh dài ngày là mã bệnh theo Phân loại quốc tế bệnh tật (ICD-10), gồm mã bệnh dài ngày 3 ký tự và mã bệnh dài ngày 4 ký tự. Trong đó, mã bệnh 4 ký tự thuộc nhóm 3 ký tự tương ứng. Ví dụ như mã bệnh K74.0, K74.1, K74.2, K74.3, K74.4, K74.5, K74.6 là thuộc mã bệnh K74.

- Cũng theo Thông tư 46 năm 2016, có một số bệnh cần chữa trị dài ngày chưa được gán mã bệnh theo phân loại quốc tế thì được xác định theo tên theo chẩn đoán bệnh. Ví dụ: Nhiễm trùng do vi khuẩn đa kháng thuốc thì xác định tên theo chẩn đoán bệnh là Nhiễm trùng do vi khuẩn đa kháng thuốc.

- Theo Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày tại Thông tư số 46, điển hình như một số bệnh sau đây:

- + Bệnh lao các loại trong giai đoạn điều trị và di chứng;
- + Bệnh phong và di chứng;
- + Viêm gan vi rút B, C, D mạn tính;
- + Nhiễm HIV/AIDS;
- + Bệnh ung thư;
- + Suy tuyến giáp, Nhiễm độc giáp, Bệnh Wilson, Đái tháo đường;
- + Mất trí trong bệnh Alzheimer, Tâm thần phân liệt, Động kinh;
- + Hen phế quản, Bệnh bụi phổi than, amian, silic, bụi phổi do bụi vô cơ khác và bụi phổi do bụi không xác định.

**Hiệu lực:** Thông tư 16/2016/TT-BYT gồm 3 Điều và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2017. Thông tư này bãi bỏ Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày tại Phụ lục 1 Thông tư 14/2016 của Bộ Y tế về hướng dẫn Luật Bảo hiểm xã hội trong lĩnh vực y tế.

**Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 256/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp căn cước công dân**

**Ngày 26/12/2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 331/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 256/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp căn cước công dân**

Theo đó, Thông tư 331/2016/TT-BTC có một số nội dung đáng chú ý như sau:

1. Không phải nộp lệ phí cấp mới căn cước công dân

- Thông tư 331 của Bộ Tài chính quy định chỉ phải nộp lệ phí thẻ căn cước công dân khi đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân. Còn trường hợp cấp mới thẻ căn cước công dân thì không phải nộp lệ phí.

- Thu lệ phí thẻ căn cước công dân đối với công dân từ 14 tuổi trở lên (thay vì chỉ thu lệ phí thẻ căn cước đối với người từ 16 tuổi trở lên như Thông tư 256/2016/BTC). Như vậy, theo Thông tư số 331/BTC, công dân từ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi đổi, cấp lại căn cước cũng phải nộp lệ phí thẻ căn cước công dân.

2. Giữ nguyên lệ phí chuyển từ CMND sang thẻ căn cước công dân là 30 nghìn đồng/thẻ căn cước. Mặt khác, bỏ quy định lệ phí cấp đổi căn cước công dân khi 25, 40, 60 tuổi là 30 nghìn đồng. Mà công dân không phải nộp lệ phí đổi căn cước công dân khi cấp đổi thẻ căn cước khi 25, 40, 60 tuổi.

3. Các trường hợp được miễn lệ phí căn cước công dân, không phải nộp lệ phí thẻ căn cước công dân

- Thông tư số 331/2016/TT-BTC bỏ quy định miễn lệ phí thẻ căn cước công dân đối với người dưới

16 tuổi và trường hợp cấp đổi thẻ căn cước công dân do sai sót của cơ quan quản lý căn cước công dân.

- Ngoài ra, Thông tư 331 cũng giữ nguyên các trường hợp được miễn lệ phí thẻ căn cước đối với trường hợp thay đổi địa giới hành chính, người có công, công dân biên giới, hải đảo, vùng khó khăn, hộ nghèo, trẻ em mồ côi.

- Thông tư 331 cũng bổ sung các trường hợp không phải đóng lệ phí căn cước công dân khi làm thủ tục cấp mới thẻ căn cước công dân; đổi thẻ căn cước công dân khi đủ 25, 40, 60 tuổi và trường hợp đổi thẻ căn cước do sai sót của cơ quan Nhà nước.



**Hiệu lực:** Thông tư 331/2016/TT-BTC có hiệu lực ngày 10/02/2017.

Thông tư này áp dụng đối với hồ sơ đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân được nộp từ ngày 01/01/2017.

# CÔNG VĂN GIẢI ĐÁP, HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ

## Công văn số 158/TCT-CS về hạch toán khoản chi phúc lợi của doanh nghiệp

Tổng Cục thuế nhận được Công văn của một số Cục thuế và doanh nghiệp đề nghị hướng dẫn về chi phúc lợi, khen thưởng cho người lao động. Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 9247/VPCP-KTTH của Văn phòng Chính phủ nêu trên, ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

Tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 1/10/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định về thuế quy định các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế như sau:

*“Khoản chi có tính chất phúc lợi chi trực tiếp cho người lao động mà doanh nghiệp có hóa đơn, chứng từ theo quy định như: Chi đám hiếu, hỷ của bản thân và gia đình người lao động; chi nghỉ mát, chi hỗ trợ điều trị; chi hỗ trợ bổ sung kiến thức học tập tại cơ sở đào tạo; chi hỗ trợ gia đình người lao động bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch họa, tai nạn, ốm đau; chi khen thưởng con cái của người lao động có thành tích tốt trong học tập; chi hỗ trợ chi phí đi lại ngày lễ, tết cho người lao động và những khoản chi có tính chất phúc lợi khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính; tổng số chi không quá 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế”.*

Tại Điểm c Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định như sau:

*“Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động trong doanh nghiệp:*

- Doanh nghiệp xếp loại A được trích 3 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

- DN xếp loại B được trích 1,5 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

- DN xếp loại C được trích 01 tháng lương thực hiện cho 02 quỹ khen thưởng, phúc lợi;

- DN không thực hiện xếp loại thì không được trích lập 02 quỹ khen thưởng, phúc lợi.”

Khoản 4 Điều 32 Nghị định 91/2015/NĐ-CP nêu trên quy định như sau:

*“Quỹ phúc lợi được dùng để:*

a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Doanh nghiệp;

b) Chi cho các hoạt động phúc lợi cho Người lao động trong doanh nghiệp bao gồm cả người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên làm việc theo hợp đồng lao động và người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên do nhà nước bổ nhiệm.

c) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng.

d) Sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

đ) Mức chi sử dụng quỹ do Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc doanh nghiệp quyết định, được ghi trong Quy chế quản lý, sử dụng quỹ của doanh nghiệp.”

Tại Điều 8 Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước quy định như sau:

*“Điều 8. Về tiền thưởng, phúc lợi*

*Căn cứ vào lợi nhuận hàng năm sau khi hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước, các thành viên góp vốn theo quy định của Nhà nước và Điều lệ công ty, công ty xác định tiền thưởng, phúc lợi của người lao động và người quản lý công ty như sau:*

*1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động tối đa không quá 3 tháng tiền lương bình quân thực hiện, nếu lợi nhuận thực hiện bằng lợi nhuận kế hoạch. Trường hợp lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch thì được trích thêm quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 20% lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch, nhưng tối đa không quá 3 tháng tiền lương bình quân thực hiện.”*

Căn cứ các quy định nêu trên doanh nghiệp tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi có tính chất phúc lợi chi trực tiếp cho người lao động quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 của Chính phủ nếu có đầy đủ hóa đơn, chứng từ và tổng số chi không quá 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế.

Đối với doanh nghiệp nhà nước, công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước trong năm có các khoản chi có tính chất phúc lợi chi trực tiếp cho



người lao động đã tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo quy định nêu trên, nếu doanh nghiệp có trích lập quỹ phúc lợi theo quy định thì cần đảm bảo nguyên tắc một khoản chi phúc lợi không hạch toán trùng từ hai nguồn (tính vào chi phí và nguồn quỹ phúc lợi).

## **Công văn số 74303/CT-TTHT về chính sách thuế khi mất hóa đơn do Cục thuế Thành phố Hà Nội ban hành**

Cục thuế TP Hà Nội nhận được công văn số 161/TTX-TTVH của Báo thể thao và văn hóa hỏi về chính sách thuế, Cục thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Căn cứ Điều 24 Thông tư số 39/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP và Nghị định 04/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử lý trong trường hợp mất, cháy, hỏng hóa đơn

*“Điều 24: Xử lý trong trường hợp mất, cháy, hỏng hóa đơn*

*1. Tổ chức, hộ, cá nhân kinh doanh nếu phát hiện mất, cháy, hỏng hóa đơn đã lập hoặc chưa lập phải lập báo cáo về việc mất, cháy, hỏng và thông báo với cơ quan thuế quản lý trực tiếp (mẫu số 3.8 Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này) chậm nhất không quá năm (05) ngày kể từ ngày xảy ra việc mất, cháy, hỏng hóa đơn. Trường hợp ngày cuối cùng (ngày thứ 05) trùng với ngày nghỉ theo quy định của pháp luật thì ngày cuối cùng của thời hạn được tính là ngày tiếp theo của ngày nghỉ đó.*

*2. Trường hợp khi bán hàng hóa, dịch vụ người bán đã lập hóa đơn theo đúng quy định nhưng sau đó người bán hoặc người mua làm mất, cháy, hỏng liên 2 hóa đơn bản gốc đã lập thì người bán và người mua lập biên bản ghi nhận sự việc, trong biên bản ghi rõ liên 1 của hóa đơn người bán hàng khai, nộp thuế trong tháng nào, ký và ghi rõ họ tên của người đại diện theo pháp luật (hoặc người được ủy quyền), đóng dấu (nếu có) trên biên bản và người bán sao chụp liên 1 của hóa đơn, ký xác nhận của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu trên bản sao hóa đơn để giao cho người mua. Người mua được sử dụng hóa đơn bản sao có ký xác nhận, đóng dấu (nếu có) của người bán kèm theo biên bản về việc mất, cháy, hỏng liên 2 hóa đơn để làm chứng từ kế toán và kê khai thuế. Người bán và người mua phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc mất, cháy, hỏng hóa đơn.*

*Trường hợp mất, cháy, hỏng hóa đơn liên 2 đã sử dụng có liên quan đến bên thứ ba (ví dụ: bên thứ ba là bên vận chuyển hàng hoặc bên chuyển hóa đơn) thì căn cứ vào việc bên thứ ba do người bán hoặc người mua thuê để xác định trách nhiệm và xử phạt người bán hoặc người mua theo quy định.”*

Căn cứ quy định trên trường hợp Báo Thể thao và Văn hóa do sơ suất trong quá trình giao nhận, luân chuyển chứng từ đã làm thất lạc liên 2 của hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT3/001, ký hiệu 01BD/11P số 0010486 cho bên mua thì:

+ Công ty phải lập báo cáo về việc mất hóa đơn và thông báo với cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo mẫu số 3.8 Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 chậm nhất không quá năm (05) ngày kể từ khi phát hiện mất hóa đơn.

+ Công ty và bên mua lập biên bản ghi nhận sự việc, trong biên bản ghi rõ liên 1 của hóa đơn Công ty khai, nộp thuế trong tháng nào, ký và ghi rõ họ tên của người đại diện theo pháp luật (hoặc người được ủy quyền), đóng dấu (nếu có) trên biên bản và Công ty sao chụp liên 1 của hóa đơn, ký xác nhận của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu trên bản sao hóa đơn để giao cho bên mua. Bên mua được sử dụng hóa đơn bản sao có ký xác nhận, đóng dấu (nếu có) của Công ty kèm theo biên bản về việc mất, cháy, hỏng liên 2 hóa đơn để làm chứng từ kế toán và kê khai thuế. Công ty và bên mua phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc mất, cháy, hỏng hóa đơn.

## **Công văn số 94/TCT-KK năm 2017 về kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng đối với hóa đơn bỏ sót**

Căn cứ các quy định tại:

- Khoản 6, Điều 1 Luật 31/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế GTGT quy định:

*“Thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó. Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sai sót thì được kê khai, khấu trừ bổ sung trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.”*

- Khoản 2 Điều 5 Nghị định 83/2013/NĐ-CP quy định: *Người nộp thuế phải khai chính xác, trung thực, đầy đủ các nội dung trong tờ khai thuế và nộp đủ các chứng từ, tài liệu quy định trong hồ sơ khai thuế với cơ quan quản lý thuế;*

*Trường hợp sau khi hết hạn nộp hồ sơ khai thuế theo quy định, người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai sót thì được khai bổ sung, điều chỉnh hồ sơ khai thuế. Hồ sơ khai thuế bổ sung, điều chỉnh được nộp cho cơ quan thuế vào bất cứ ngày làm việc nào, không phụ thuộc vào thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của lần tiếp theo, nhưng phải trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế.*

*Khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền đã ban hành kết luận, quyết định xử lý về thuế sau kiểm tra, thanh tra; nếu người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp và được kiểm tra, thanh tra (liên quan đến thời kỳ, phạm vi kiểm tra, thanh tra) còn sai sót thì người nộp thuế được tự khai bổ sung, điều chỉnh; việc xử lý căn cứ chế độ quy định và nguyên nhân khách quan, chủ quan của việc khai sót, chưa đúng phải điều chỉnh”.*

Căn cứ các quy định và hướng dẫn nêu trên, đề nghị Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh thực hiện kiểm tra thực tế tại Công ty cổ phần Dược phẩm An Thiên đối với các kỳ tính thuế có liên quan đến các hóa đơn, chứng từ thuế GTGT kê khai sau thời điểm

cơ quan thuế công bố quyết định thanh tra, kiểm tra trước hoàn thuế và kiểm tra sau hoàn thuế, căn cứ kết quả kiểm tra thực hiện xử lý theo quy định Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ./.

## DANH MỤC VĂN BẢN NỘI BỘ\*

Ký hiệu văn bản	Ngày/tháng ban hành	Tên loại và trích yếu nội dung	Hiệu lực văn bản
03/QĐ-HĐQT-DVKT	26/03/2009	Quy chế Người đại diện của PVPS tại các doanh nghiệp khác	Hiệu lực kể từ ngày ký
63/QĐ-DVKT	29/03/2010	Quy định chức năng, nhiệm vụ của người điều phối theo dõi HĐ bảo trì dài hạn Nhà máy điện Cà Mau giữa PVPS & Siemens	Hiệu lực kể từ ngày ký
43/QĐ-HĐQT.PVPS	08/09/2010	Quy chế quản trị Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
52/QĐ-HĐQT.PVPS	04/10/2010	Quy trình công bố thông tin của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
33/QĐ-HĐQT-DVKT	20/05/2011	Quy chế đào tạo của Công ty	Hiệu lực kể từ ngày ký
119/QĐ-HĐQT-DVKT	13/08/2013	Quy chế Tài chính sửa đổi của Công ty	Hiệu lực kể từ ngày ký
240/QĐ-HĐQT	09/12/2014	Quy chế thực hiện dân chủ Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.	Hiệu lực kể từ ngày ký
140/QĐ-DVKT	05/03/2015	Quy chế Hội nghị người lao động Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký
141/QĐ-DVKT	05/03/2015	Quy chế đối thoại tại nơi làm việc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hiệu lực kể từ ngày ký

165/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy định tiêu chuẩn bậc an toàn chung, bậc an toàn điện của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
166/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy định hệ thống quản lý An toàn Sức khỏe Môi trường của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
167/QĐ-DVKT	20/03/2015	Các nguyên tắc an toàn cơ bản của Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
168/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy trình quản lý sức khỏe và bệnh nghề nghiệp	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
171/QĐ-DVKT	20/03/2015	Phương án phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
172/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy định phân công trách nhiệm trong công tác an toàn – vệ sinh lao động	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
173/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy định chế độ kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện PCCC theo TCVN 3890:2009	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
174/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy định quản lý nhà thầu phụ trong công tác An toàn lao động và vệ sinh môi trường	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
175/QĐ-DVKT	20/03/2015	Quy định kiểm định kỹ thuật an toàn thiết bị nâng	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
220/QĐ-DVKT	08/04/2015	Quy định thi an toàn, giữ bậc, nâng bậc và xét nâng lương	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
731/QĐ-DVKT	26/05/2015	Quy định kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
732/QĐ-DVKT	26/05/2015	Quy định phân định trách nhiệm trong công tác An toàn vệ sinh lao động	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
766/QĐ-DVKT	05/06/2015	Quy định quản lý hợp đồng kinh tế	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
811/QĐ-DVKT	17/07/2015	Quy trình quản lý kỹ thuật	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
814/QĐ-DVKT	20/07/2015	Quy định trực xử lý sự cố Nhà máy điện	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
815/QĐ-DVKT	20/07/2015	Quy định đào tạo tay nghề tại chỗ	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
816/QĐ-DVKT	20/07/2015	Quy định nghiệm thu nội bộ thiết bị sau bảo dưỡng – sửa chữa của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
177/QĐ/HĐQT-DVKT	22/07/2015	Quy chế quản lý tiền lương, tiền thưởng và chế độ chính sách đối với cán bộ quản lý (chuyên trách) của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>

178/QĐ/HĐQT-DVKT	22/07/2015	Quy chế trả lương sửa đổi cho CBCNV công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
807/QĐ-DVKT	26/07/2015	Quy định hướng dẫn sử dụng, kiểm tra và bảo dưỡng palăng xích của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
832/QĐ-DVKT	30/07/2015	Quy định hướng dẫn sử dụng, bảo dưỡng và sửa chữa tời điện của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
837/QĐ-DVKT	03/08/2015	Quy định thực hiện chế độ phụ cấp độc hại bằng hiện vật	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
1160/QĐ-DVKT	16/11/2015	Thỏa ước lao động tập thể	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
1161/QĐ-DVKT	16/11/2015	Nội quy lao động	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
1180/QĐ-DVKT	26/11/2015	Quy định chức năng, nhiệm vụ của các Phòng chức năng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
1215/QĐ-DVKT	16/12/2015	Quy định về công tác quản lý văn bản của cơ quan Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
1245/QĐ-DVKT	29/12/2015	Quy định quản lý và sử dụng phương tiện đi lại của cơ quan Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
1285/QĐ-DVKT	31/12/2015	Quy trình tổ chức sáng kiến	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
1287/QĐ-DVKT	31/12/2015	Quy trình lập, tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và chế độ báo cáo của Công ty	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
23/QĐ-HĐQT-DVKT	15/01/2016	Quy trình quản lý vật tư, công cụ dụng cụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
31/QĐ-DVKT	19/01/2016	Quy trình nhận diện khía cạnh và đánh giá tác động môi trường	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
69/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định hướng dẫn an toàn hóa chất	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
70/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định hướng dẫn kỹ thuật an toàn điện	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
71/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định hướng dẫn an toàn khi hàn điện-hàn hơi.	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>

72/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định hướng dẫn kỹ thuật an toàn khi làm việc trên cao	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
73/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định hướng dẫn kỹ thuật an toàn thiết bị áp lực	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
74/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định hướng dẫn kỹ thuật an toàn thiết bị nâng	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
75/QĐ-DVKT	27/01/2016	Quy định nhận diện môi nguy và đánh giá rủi ro trong công tác bảo dưỡng, sửa chữa tại các Nhà máy điện	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
30/QĐ/HĐQT-DVKT	05/02/2016	Quy chế phân cấp quyết định đầu tư và quản lý đấu thầu của Công ty	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
32/QĐ/HĐQT-DVKT	05/02/2016	Quy chế thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh ngoài dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa Nhà máy điện	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
45/QĐ/HĐQT-DVKT	03/03/2016	Quy chế thi đua, Khen thưởng của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
164/QĐ-DVKT	18/03/2016	Quyết định về việc phê duyệt và ban hành Kế hoạch Ứng cứu tình huống khẩn cấp.	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
172/QĐ-DVKT	23/03/2016	Quyết định về việc phê duyệt câu hỏi và đáp án thi an toàn làm việc trong điều kiện có khí Hydro của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
187/QĐ-DVKT	30/03/2016	Quy định về quản lý công nợ	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
106/QĐ/HĐQT-DVKT	05/04/2016	Quy chế quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu Khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
126/QĐ/HĐQT-DVKT	22/04/2016	Quy chế chi tiêu nội bộ	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
330/QĐ-DVKT	09/06/2016	Quy định công tác quản lý công cụ dụng cụ	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
175/QĐ/HĐQT-DVKT	10/06/2016	Quy chế mua sắm hàng hóa dịch vụ của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
367/QĐ-DVKT	22/06/2016	Quy định công tác phối hợp giữa các phòng/đơn vị	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
390/QĐ-DVKT	30/06/2016	Quy định tổ chức và quản lý hoạt động của Website Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam.	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>

709/QĐ-DVKT	22/09/2016	Hướng dẫn làm việc an toàn trong không gian hạn chế	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
740/QĐ-DVKT	10/10/2016	Quy định quản lý chăm công lao động tại Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
760/QĐ-DVKT	24/10/2016	Quy định chức năng nhiệm vụ Ban chuẩn bị sản xuất bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
804/QĐ-DVKT	08/11/2016	Quy định tiêu chuẩn công nhân kỹ thuật cao	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
324/QĐ/HĐQT-DVKT	06/12/2016	Quy định về tiêu chuẩn chức danh công việc Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
877/QĐ-DVKT	12/12/2016	Quy định lập báo cáo thực hiện các chỉ đạo của HĐQT Công ty	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
329/QĐ/HĐQT-DVKT	14/12/2016	Quy chế thưởng an toàn Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
881/QĐ-DVKT	15/12/2016	Quyết định về việc phê duyệt câu hỏi và đáp án thi an toàn của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>
885/QĐ-DVKT	21/12/2016	Quy chế hoạt động mạng lưới an toàn vệ sinh viên	<i>Hiệu lực kể từ ngày ký</i>

\* Văn bản do các phòng chức năng Công ty chủ trì soạn thảo, quản lý.

Biên soạn : Lê Thị Yến  
Kiểm duyệt : Nguyễn Duy Long  
Email : [pth@pvps.vn](mailto:pth@pvps.vn)/[yenlt@pvps.vn](mailto:yenlt@pvps.vn)  
Điện thoại : 04.37878186 (ext: 211)  
Fax : 04. 37878185

